

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017**  
**ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**

---

Tháng 8 năm 2017

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quang Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Vũ Trọng Minh	Thành viên
Ông Phan Hồng Sơn	Thành viên
Bà Lê Thị Quyên	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Duyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Quang Nam	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Dặng Quang Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 14 tháng 08 năm 2017



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 14.08/2017/BCSX-IFC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Nam Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-1  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

**Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MẪU B 01a-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.904.074.933</b>	<b>13.942.622.331</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.307.569.856</b>	<b>4.110.079.765</b>
1. Tiền	111	V.1	3.307.569.856	4.110.079.765
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.581.457.350</b>	<b>9.727.928.021</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.164.500.000	9.601.738.716
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.911.000.000	823.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	5.455.957.350	253.189.305
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(950.000.000)	(950.000.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>67.599.999</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	67.599.999
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.047.727</b>	<b>37.014.546</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.047.727	37.014.546
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.884.553.009</b>	<b>7.338.811.543</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.922.199.930</b>	<b>3.922.199.930</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.922.199.930	3.922.199.930
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.962.353.079</b>	<b>3.416.611.613</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	2.962.353.079	3.416.611.613
- Nguyên giá	222		4.519.685.561	4.799.685.561
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.557.332.482)	(1.383.073.948)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.788.627.942</b>	<b>21.281.433.874</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.494.431.892</b>	<b>5.870.713.015</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.494.431.892</b>	<b>5.870.713.015</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	4.270.346.627	2.550.182.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	667.615.000	811.615.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	269.072.515	1.833.181.242
4. Phải trả người lao động	314		197.759.249	265.681.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	312.970.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.6	11.663.914	9.608.573
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		77.974.587	87.474.587
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.294.196.050</b>	<b>15.410.720.859</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>16.294.196.050</b>	<b>15.410.720.859</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.568.911.261)	(7.452.386.452)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.452.386.452)	(10.223.189.371)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		883.475.191	2.770.802.919
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.788.627.942</b>	<b>21.281.433.874</b>



**Đặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 08 năm 2017

  
**Phạm Thị Minh Thư**  
Phụ trách kế toán

  
**Hoàng Thị Vân Anh**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017


MẪU B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.899.135.689	102.545.455
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6.899.135.689	102.545.455
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.175.313.079	174.256.201
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.723.822.610	(71.710.746)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.862.571	3.204
6. Chi phí tài chính	22		-	769.735.832
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
7. Chi phí bán hàng	25	VI.3a	89.282.453	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3b	1.668.437.184	(578.511.415)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		967.965.544	(262.931.959)
10. Chi phí khác	32	VI.4	25.099.900	2.420.265.480
11. Lợi nhuận khác	40		(25.099.900)	(2.420.265.480)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		942.865.644	(2.683.197.439)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	59.390.453	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		883.475.191	(2.683.197.439)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	442	(1.342)
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		442	(1.342)



**Dặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 08 năm 2017

  
**Phạm Thị Minh Thư**  
Phụ trách kế toán

  
**Hoàng Thị Vân Anh**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 03a-DN  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11.882.287.975	112.800.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(9.577.009.571)	(89.506.690)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.430.438.485)	(93.030.000)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	348.898.042	50.000.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.028.110.441)	(360.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(804.372.480)</b>	<b>(20.096.690)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.862.571	3.204
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.862.571</b>	<b>3.204</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(802.509.909)</b>	<b>(20.093.486)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.110.079.765	22.597.600
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.307.569.856	2.504.114



**Đặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Phạm Thị Minh Thư**  
Phụ trách kế toán

**Hoàng Thị Vân Anh**  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 05 năm 2015, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số cổ phiếu là SRA.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 20 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý phát triển dịch vụ ADSL; đại lý phát hành phim ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận chuyển hành khách;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học; Tư vấn về môi trường; đánh giá tác động môi trường;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); dịch vụ cho thuê nhà, cho thuê văn phòng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi; Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; xây dựng, kinh doanh dịch vụ khu công viên, khu vui chơi giải trí;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Tư vấn, cung cấp các dịch vụ cho thuê nguồn nhân lực công nghệ thông tin;

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Dịch vụ liên quan đến in: In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ lĩnh vực Nhà nước cấm);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát xây dựng các công trình giao thông đường bộ;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: sản xuất, lắp ráp máy tính, các thiết bị viễn thông.
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy vi tính và các thiết bị ngoại vi khác;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet, lắp đặt mạng LAN, WAN, đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông, cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động, đại lý kinh doanh game (trò chơi trực tuyến);
- Quảng cáo: Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet; dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- Sản xuất linh kiện điện tử: sản xuất linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan: Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra); Dịch vụ cho thuê các quy trình nghiệp vụ (BPO);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh các dịch vụ giải trí truyền hình, báo chí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Không bao gồm xuất khẩu vàng miếng và vàng nguyên liệu);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, hội chợ triển lãm (không bao gồm tổ chức hợp báo);
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ trung tâm cung cấp dữ liệu (DATA CENTER), trung tâm hỗ trợ qua điện thoại (CONTACT CENTER) (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp các loại thông tin Nhà nước cấm);
- Khai thác, xử lý, cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có trụ sở đặt tại Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có Công ty con hay chi nhánh nào khác.

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

## **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán máy.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính::

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Công cụ tài chính (Tiếp theo)

###### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

###### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

###### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

###### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

- Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.296.276.992	-
Tiền gửi ngân hàng	11.292.864	4.110.079.765
<b>Cộng</b>	<b>3.307.569.856</b>	<b>4.110.079.765</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ	4.284.500.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản VHS	-	3.916.405.116
Các đối tượng khác	880.000.000	5.685.333.600
<b>Cộng</b>	<b>5.164.500.000</b>	<b>9.601.738.716</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Lou	1.290.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị UAC	450.000.000	450.000.000
Các đối tượng khác	171.000.000	373.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.911.000.000</b>	<b>823.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	5.455.957.350	241.908.042
Đặng Quang Nam	3.428.800.000	236.181.542
Nguyễn Thị Quỳnh Anh	2.000.000.000	-
Các đối tượng khác	27.157.350	5.726.500
Phải thu khác	-	11.281.263
<b>Cộng</b>	<b>5.455.957.350</b>	<b>253.189.305</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ (*)	3.922.199.930	3.922.199.930
<b>Cộng</b>	<b>3.922.199.930</b>	<b>3.922.199.930</b>

(\*) Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất trên” theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAVN-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016 với tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 đồng trong thời gian 50 năm. Tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	3.692.906.129	317.059.632	789.719.800	4.799.685.561
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(280.000.000)	(280.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>3.692.906.129</b>	<b>317.059.632</b>	<b>509.719.800</b>	<b>4.519.685.561</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	556.294.516	317.059.632	509.719.800	1.383.073.948
Khấu hao trong kỳ	174.258.534	-	19.444.445	193.702.979
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(19.444.445)	(19.444.445)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>730.553.050</b>	<b>317.059.632</b>	<b>509.719.800</b>	<b>1.557.332.482</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2017	3.136.611.613	-	280.000.000	3.416.611.613
Tại ngày 30/06/2017	2.962.353.079	-	-	2.962.353.079

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.034.561.547 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.034.561.547 đồng.)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	7.296.427	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	1.237.737	-
Bảo hiểm y tế	2.166.750	-
Bảo hiểm thất nghiệp	963.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.663.914</b>	<b>9.608.573</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
 Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp,  
 phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Nợ xấu**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị UAC	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000	-	450.000.000
<b>Cộng</b>	<b>950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>950.000.000</b>	<b>950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>950.000.000</b>

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	3.408.800.000	3.408.800.000	1.384.259.986	1.384.259.986
Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	423.712.527	423.712.527	423.712.527	423.712.527
Các đối tượng khác	437.834.100	437.834.100	742.210.100	742.210.100
<b>Cộng</b>	<b>4.270.346.627</b>	<b>4.270.346.627</b>	<b>2.550.182.613</b>	<b>2.550.182.613</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thành An - Hà Nội	546.000.000	546.000.000	-	-
Khoa tiêu hóa Bệnh viện Bạch Mai	-	-	690.000.000	690.000.000
Công ty TNHH Huệ Lộc	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	21.615.000	21.615.000	21.615.000	21.615.000
<b>Cộng</b>	<b>667.615.000</b>	<b>667.615.000</b>	<b>811.615.000</b>	<b>811.615.000</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	765.042.635	691.193.570	1.271.571.492	184.664.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	59.390.453	-	59.390.453
Thuế thu nhập cá nhân	34.055.000	46.867.349	55.905.000	25.017.349
Các loại thuế khác	1.034.083.607	28.099.900	1.062.183.507	-
<b>Cộng</b>	<b>1.833.181.242</b>	<b>825.551.272</b>	<b>2.389.659.999</b>	<b>269.072.515</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp,  
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	20.000.000.000	2.863.107.311	(10.223.189.371)	12.639.917.940
Lãi trong năm	-	-	2.770.802.919	2.770.802.919
Số dư tại ngày 31/12/2016	20.000.000.000	2.863.107.311	(7.452.386.452)	15.410.720.859
Lãi trong kỳ	-	-	883.475.191	883.475.191
Số dư tại ngày 30/06/2017	20.000.000.000	2.863.107.311	(6.568.911.261)	16.294.196.050

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - bộ phận bán hàng hóa và bộ phận hoạt động cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động bán hàng hóa: chuyên quản lý các hoạt động bán hàng hóa thiết bị y tế.

Bộ phận hoạt động cung cấp dịch vụ: chuyên quản lý các hoạt động môi giới bán bất động sản và cho thuê thiết bị y tế.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:**

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	9.115.010.429	9.350.999.930	18.466.010.359
Tài sản không phân bổ	-	-	3.322.617.583
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.115.010.429</b>	<b>9.350.999.930</b>	<b>21.788.627.942</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	3.954.800.000	983.161.627	4.937.961.627
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	556.470.265
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.954.800.000</b>	<b>983.161.627</b>	<b>5.494.431.892</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 30 tháng 06 năm 2017**

	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng	5.530.545.454	1.368.590.235	6.899.135.689
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>5.530.545.454</b>	<b>1.368.590.235</b>	<b>6.899.135.689</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.981.610.100	193.702.979	4.175.313.079
Kết quả kinh doanh bộ phận			2.723.822.610
Chi phí không phân bổ			1.757.719.637
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			966.102.973
Doanh thu từ các khoản đầu tư			1.862.571
Lợi nhuận khác			(25.099.900)
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp			942.865.644
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			59.390.453
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>883.475.191</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2017:**

	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	9.215.133.529	7.956.220.580	17.171.354.109
Tài sản không phân bổ	-	-	4.110.079.765
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.215.133.529</b>	<b>7.956.220.580</b>	<b>21.281.433.874</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	2.174.259.986	1.187.537.627	3.361.797.613
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2.508.915.402
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.174.259.986</b>	<b>1.187.537.627</b>	<b>5.870.713.015</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016**

	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ	-	102.545.455	102.545.455
<b>Tổng doanh thu</b>	-	<b>102.545.455</b>	<b>102.545.455</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	-	174.256.201	174.256.201
Kết quả kinh doanh bộ phận			(71.710.746)
Chi phí không phân bổ			(578.511.415)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			506.800.669
Doanh thu từ các khoản đầu tư			3.204
Lợi nhuận khác			(2.420.265.480)
Chi phí tài chính			769.735.832
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.683.197.439)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(2.683.197.439)</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có Công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.530.545.454	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.368.590.235	102.545.455
<b>Cộng</b>	<b>6.899.135.689</b>	<b>102.545.455</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.981.610.100	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	193.702.979	174.256.201
<b>Cộng</b>	<b>4.175.313.079</b>	<b>174.256.201</b>

**3. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí mua ngoài khác	29.164.204	-
Chi phí khác bằng tiền	60.118.249	-
<b>Cộng</b>	<b>89.282.453</b>	<b>-</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	1.429.735.079	93.030.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.512.274	-
Chi phí mua ngoài khác	73.339.883	31.421.038
Chi phí khác bằng tiền	107.849.948	3.200.200
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(706.162.653)
<b>Cộng</b>	<b>1.668.437.184</b>	<b>(578.511.415)</b>

**4. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Phạt nộp chậm thuế và bảo hiểm	25.099.900	337.403.561
Chi phí dự án Mobipaymnet không triển khai	-	52.996.079
Chi phí dự án phần mềm kế toán không triển khai	-	2.000.000.000
Các khoản khác	-	29.865.840
<b>Cộng</b>	<b>25.099.900</b>	<b>2.420.265.480</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	942.865.644	(2.683.197.439)
Các khoản điều chỉnh	25.099.900	2.052.996.079
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	25.099.900	2.052.996.079
Thu thập tính thuế TNDN	967.965.544	(630.201.360)
Lỗi các năm trước chuyển sang	(671.013.278)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	59.390.453	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	59.390.453	-

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	883.475.191	(2.683.197.439)
Trừ phần trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	442	(1.342)

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	260.555.555	-
Chi phí nhân công	1.429.735.079	93.030.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.702.979	174.256.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.743.634	31.421.038
Chi phí khác bằng tiền	167.968.197	3.200.200
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(706.162.653)
Cộng	2.184.705.444	(404.255.214)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.307.569.856	4.110.079.765
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	16.294.196.050	15.410.720.859
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,00%</b>	<b>0,00%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.307.569.856	4.110.079.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.586.699.930	13.035.219.909
<b>Cộng</b>	<b>11.894.269.786</b>	<b>17.145.299.674</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.282.010.541	2.559.791.186
Chi phí phải trả	-	312.970.000
<b>Cộng</b>	<b>4.282.010.541</b>	<b>2.872.761.186</b>

## VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

### 1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

#### *Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2017</b>			
Tiền	3.307.569.856	-	3.307.569.856
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.586.699.930	-	8.586.699.930
<b>Cộng</b>	<b>11.894.269.786</b>	<b>-</b>	<b>11.894.269.786</b>
<b>30/06/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.282.010.541	-	4.282.010.541
<b>Cộng</b>	<b>4.282.010.541</b>	<b>-</b>	<b>4.282.010.541</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.612.259.245</b>	<b>-</b>	<b>7.612.259.245</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2017</b>			
Tiền	4.110.079.765	-	4.110.079.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.035.219.909	-	13.035.219.909
<b>Cộng</b>	<b>17.145.299.674</b>	<b>-</b>	<b>17.145.299.674</b>
<b>01/01/2017</b>			-
Phải trả người bán và phải trả khác	2.559.791.186	-	2.559.791.186
Chi phí phải trả	312.970.000	-	312.970.000
<b>Cộng</b>	<b>2.872.761.186</b>	<b>-</b>	<b>2.872.761.186</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>14.272.538.488</b>	<b>-</b>	<b>14.272.538.488</b>

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Đặng Quang Nam

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	3.428.800.000	3.836.000.000
Ông Đặng Quang Nam	3.428.800.000	236.181.542

Thu nhập Ban Giám đốc Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Lương	207.000.000	18.000.000
Cộng	207.000.000	18.000.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.



Đặng Quang Nam  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

Phạm Thị Minh Thư  
Phụ trách kế toán

Hoàng Thị Vân Anh  
Người lập biểu